

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày 17-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kéo; Bà H'Thủy Bon Jóc Ju.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Nguyễn Vũ Hồng Hoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS, ngày 22/02/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2022/QĐST-DS, ngày 01/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1983 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Lò Văn K, sinh năm 1978 và bà Vi Thị X, sinh năm 1980. Điều vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 21/02/2022), quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa bà Đỗ Thị T trình bày:

Do quen biết với nhau nên ngày 04/7/2018, bà T có cho vợ chồng bà Vi Thị X vay số tiền 348.000.000 đồng, bà T có viết giấy thể hiện nội dung vay tiền và thời hạn

thanh toán là cuối năm 2019 nhưng không thể hiện rõ ngày tháng và không thỏa thuận mức lãi suất. Phía dưới mục người vay bà X có viết chữ “X” và “Vi Thị X”.

Tiếp đến ngày 07/11/2018, bà X tiếp tục vay bà T số tiền 110.000.000 đồng, bà T viết số tiền vay 110.000.000 đồng vào mẫu giấy “GIẤY VAY TIỀN”, không thể hiện mức lãi suất, chỉ thỏa thuận thời hạn thanh toán là cuối năm 2019 nhưng không thể hiện rõ ngày tháng. Phía dưới mục người vay bà X có viết chữ “X” và “Vi Thị X”.

Hết thời hạn thanh toán vợ chồng bà X không thanh toán cho bà T mà khất lần nữa. Vì vậy đến năm 2022 bà T đã khởi kiện ra Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Lò Văn K và bà Vi Thị X phải thanh toán số tiền nợ gốc là 458.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 07/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà X không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến của mình về việc nợ tiền của bà T, ngoài các tài liệu bà T đã cung cấp cho Tòa án ra không có tài liệu nào khác thể hiện ông Lò Văn K xác nhận cùng vay tiền với bà X (thực tế thì ông K và bà X cùng vay nhưng do ông K không biết chữ nên không ký tên vào giấy tờ), mặt khác các tài liệu mà bà T đã cung cấp lại không thể hiện mức lãi suất, không thể hiện rõ ràng ngày tháng trả nợ mà chỉ ghi chung chung “Cuối năm 2019 sẽ thanh toán”, nên bà T xác định thời điểm cuối cùng phải trả nợ là ngày 31/12/2019. Vì vậy bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình, bà T chỉ yêu cầu một mình bà Vi Thị X có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T với số tiền nợ gốc là 458.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính tiền lãi kể từ ngày 01/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Lò Văn T là con ruột của ông K bà X, tuy nhiên ông K bà X không đến Tòa án làm việc. Ngày 25/5/2022, Tòa án ban hành Quyết định số: 126/2022/QĐ-TA về việc quyết định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để thông báo cho ông K, bà X nội dung bà T khởi kiện, tuy nhiên tại phiên tòa vợ chồng ông K bà X vẫn vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bà Vi Thị X phải thanh toán cho bà T với số tiền nợ gốc là 458.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính tiền lãi kể từ ngày 01/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2018 và 04/7/2018, dưới phần người vay tiền có ký và viết tên Vi Thị X (bản gốc). Toàn bộ tài liệu do Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được Tòa án thu thập theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, được Tòa án chấp nhận làm căn cứ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 458.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính tiền lãi kể từ ngày 01/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lò Văn K và bà Vi Thị X có địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Các tài liệu mà bà Đỗ Thị T đã cung cấp không thể hiện rõ ràng ngày tháng trả nợ mà chỉ ghi chung chung “Cuối năm 2019 sẽ thanh toán”, nên bà T xác định thời điểm cuối cùng phải trả nợ là ngày 31/12/2019. Ngày 21/02/2022, bà T nộp đơn khởi kiện là không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4]. Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc.

Tài liệu bà Đỗ Thị T cung cấp để làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy viết bằng bút mực màu xanh thể hiện ngày 04/7/2018 bà T có cho vợ chồng bà Vi Thị X vay số tiền 348.000.000 đồng, không thỏa thuận mức lãi suất mà chỉ thỏa thuận thời hạn thanh toán là cuối năm 2019 nhưng không thể hiện rõ ngày tháng và không thỏa thuận mức lãi suất. Phía dưới mục người vay bà X có viết chữ “X” và “Vi Thị X”. Đến ngày 07/11/2018, bà X tiếp tục vay của bà T số tiền 110.000.000 đồng, nội dung vay số tiền 110.000.000 đồng thể hiện tại mẫu giấy “GIẤY VAY TIỀN”, không thể hiện mức lãi suất, chỉ thỏa thuận thời hạn thanh toán là cuối năm 2019 nhưng không thể hiện rõ ngày tháng. Phía dưới mục người vay bà X

có viết chữ “X” và “Vi Thị X”. Tổng số tiền vợ chồng bà X vay của bà T là 458.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà X không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến của mình về việc nợ tiền của bà T, ngoài các tài liệu bà T đã cung cấp cho Tòa án ra không có tài liệu nào khác thể hiện ông Lò Văn K xác nhận cùng vay tiền với bà X, mặt khác các tài liệu mà bà T đã cung cấp lại không thể hiện mức lãi suất, không thể hiện rõ ràng ngày tháng trả nợ mà chỉ ghi chung chung “Cuối năm 2019 sẽ thanh toán”, vì vậy bà T xác định thời điểm cuối cùng phải trả nợ là ngày 31/12/2019 là có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu một mình bà Vi Thị X có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T với số tiền nợ gốc là 458.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 6; Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 3 Điều 146; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc bà Vi Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị T tổng số tiền nợ gốc là 458.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp không thể hiện thời hạn thanh toán và mức lãi suất cụ thể. Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị T yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất mà Nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc bà Vi Thị X phải thanh toán số tiền lãi là: $458.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 31,5333 \text{ tháng}$ (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 17/8/2022) = **119.870.000 đồng**.

[2.3]. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở nên cần buộc bà Vi Thị X phải thanh toán cho bà Đỗ Thị T tổng số tiền là 458.000.000 đồng + **119.870.000 đồng = 577.870.000 đồng**.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngày 24/5/2022, bà Đỗ Thị T có đơn đề nghị thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về nội dung khởi kiện của bà đối với ông Lò Văn K và bà Vi Thị X. Vì vậy bà T phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.025.000 đồng mà bà T đã nộp ngày 24/5/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô; Phiếu thu ngày 25/5/2022 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 14/6/2022 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông C.

[5]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Vi Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% (577.870.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 27.114.000 đồng (làm tròn) và nộp tại án Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo quy định.

Hoàn trả bà Đỗ Thị T số tiền 11.786.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Đỗ Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003197, ngày 21/01/2022.

[6.]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 277; Điều 235; Điều 147; Điều 180; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 476; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

1. Buộc bà Vi Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị T tổng số tiền là 577.870.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 458.000.000 đồng và tiền lãi là 119.870.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngày 24/5/2022, bà Đỗ Thị T có đơn đề nghị thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về nội dung khởi kiện của bà đối với ông Lò Văn K và bà Vi Thị X. Vì vậy bà T phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.025.000 đồng mà bà T đã nộp ngày 24/5/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Không Nô; Phiếu thu ngày 25/5/2022 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 14/6/2022 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông C.

3. Về án phí: Buộc bà Vi Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.114.000 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) và nộp tại án Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo quy định.

Hoàn trả bà Đỗ Thị T số tiền 11.786.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Đỗ Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003197, ngày 21/01/2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Noìnhậ:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi